

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỶ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 29 – 11 – 2024.

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TK, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Hưng.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Hải Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện TK, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh, kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 198x; Địa chỉ: Thôn L xã D, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Ng, sinh năm 199x; Địa chỉ: Thôn L xã D, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

(Anh Tr và chị Ng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn, anh Nguyễn Văn Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân. Anh Tr và chị Phạm Thị Ng tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã D, huyện TK, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/11/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2022, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau. Chị

Ng đã tự ý ra thuê nhà ở riêng, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau đã gần 02 năm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Ng để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh Tr và chị Ng có hai con chung là Nguyễn Bình N , sinh ngày 29/8/201x và Nguyễn Thị Khánh Ng1, sinh ngày 06/5/201x. Hai con chung đang sống với anh Tr . Anh Tr đề nghị được nuôi hai con đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung, tài sản riêng, nợ riêng: Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/11/2024, bị đơn, chị Phạm Thị Ng trình bày: Về hôn nhân: Chị và anh Tr tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D , huyện TK, tỉnh Hải Dương. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng và tôn trọng nhau. Chị đã thuê nhà sống riêng và ly thân với anh Tr khoảng 02 năm. Nay chị Ng xác định cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh Tr không hạnh phúc, anh Tr đề nghị ly hôn, chị cũng nhất trí ly hôn với anh Tr để các bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Ng thống nhất lời trình bày của anh Tr về con chung và thống nhất việc anh Tr nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn. Chị Ng không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Vợ chồng có căn nhà xây trên đất nhà bố mẹ chồng, khi ly hôn, phần tài sản của chị được hưởng chị để lại cho con chị. Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả làm việc với Ủy ban nhân dân xã và các đoàn thể xã D, trưởng thôn L thể hiện: Anh Nguyễn Văn Tr và chị Phạm Thị Ng tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện TK ngày 04/11/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh, chị chung sống hạnh phúc và có hai con chung là Nguyễn Bình N , sinh ngày 29/8/201x và Nguyễn Thị Khánh Ng1, sinh ngày 06/5/201x. Năm 2022, chị Ng thuê nhà ở riêng, thi thoảng chị Ng về thăm con. Chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Tr và chị Ng vì anh, chị không trình báo hoặc nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Anh Tr và chị Ng đã sống ly thân gần 02 năm. Anh Tr một mình chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Anh Tr đi làm công ty, thu nhập ổn định và ở cùng gia đình bố mẹ tại địa phương. Nay anh Tr yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với chị Ng , quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật và xem xét việc nuôi con chung nhằm đảm bảo cho các cháu có cuộc sống, học tập ổn định.

Kết quả làm việc với bà Phạm Thị Nhg (mẹ đẻ anh Tr) thể hiện: Anh Tr và chị Ng kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện T K vào ngày 04/11/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống với gia đình bà

được vài năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không tôn trọng nhau. Chị Ng bỏ nhà ra sống riêng và vợ chồng anh Tr , chị Ng sống ly thân gần 02 năm, thỉnh thoảng chị Ng có ghé thăm con. Nay anh Tr xin ly hôn với chị Ng , bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Tr và chị Ng có 02 con chung là Nguyễn Bình N , sinh ngày 29/8/201x và Nguyễn Thị Khánh Ng1, sinh ngày 06/5/201x. Hiện nay hai cháu đang ở với anh Tr tại nhà bà. Anh Tr có việc làm và thu nhập ổn định, đảm bảo cuộc sống cho các cháu. Tr hợp Tòa án giao con chung cho anh Tr chăm sóc nuôi dưỡng thì gia đình bà hỗ trợ anh Tr trong việc chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Tr được ly hôn với chị Ng ; Giao hai con chung con chung Nguyễn Bình N , sinh ngày 29/8/201x và Nguyễn Thị Khánh Ng1, sinh ngày 06/5/201x cho anh Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Chị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Anh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn Tr và chị Phạm Thị Ng đã được tòa án triệu tập hợp lệ, đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Tr và chị Phạm Thị Ng tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã D , huyện TK, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/11/2013 nên hôn nhân giữa anh Tr và chị Ng là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc được khoảng hơn 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân và anh Tr yêu cầu ly hôn với chị Ng . Xét yêu cầu của anh Tr , Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời trình bày của anh Tr , chị Ng cho thấy đời sống vợ chồng của anh chị đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, vợ chồng không tôn trọng nhau và vợ chồng không còn chung sống với nhau đã hai năm. Anh Tr đề nghị ly hôn

và chị Ng cũng có văn bản thể hiện ý kiến chị đồng ý ly hôn với anh Tr . Qua đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Tr và chị Ng đã mâu thuẫn trầm trọng, anh Tr và chị Ng không còn mong muốn tiếp tục cùng nhau chung sống, vun đắp và xây dựng gia đình, mục đích hôn nhân giữa anh Tr và chị Ng không đạt được nên căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Tr , xử cho anh Tr được ly hôn với chị Ng .

[3] Về con chung: Anh Tr và chị Ng có hai con chung là Nguyễn Bình N , sinh ngày 29/8/201x và Nguyễn Thị Khánh Ng1, sinh ngày 06/5/201x. Hiện hai cháu đang ở với anh Tr . Xét việc anh Tr đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Cả anh Tr và chị Ng đều xác định từ sau khi vợ chồng sống ly thân, hai con chung do anh Tr chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Tr cung cấp đơn đề nghị của cháu Bình N thể hiện cháu có nguyện vọng muốn sống cùng với anh Tr . Anh Tr hiện tại có việc làm, thu nhập ổn định và gia đình anh cũng hỗ trợ anh trong việc chăm sóc con. Bên cạnh đó, trên cơ sở ý kiến của chị Ng , chị cũng đồng ý việc anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung vì hiện nay chị chưa có việc làm ổn định và thu nhập ổn định, chưa đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc hai con chung. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển toàn diện cho hai con chung của anh Tr và chị Ng , Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, tiếp tục giao hai con chung của anh Tr và chị Ng cho anh Tr nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tr và chị Ng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội vềán phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Tr . Xử cho anh Nguyễn Văn Tr được ly hôn với chị Phạm Thị Ng .

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn Tr được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Nguyễn Bình N , sinh ngày 29/8/201x và cháu Nguyễn Thị Khánh Ng1, sinh ngày 06/5/201x cho đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) (cháu N và cháu Ng1 đang ở với anh Tr). Chị Phạm Thị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Tr phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai số 0005728 ngày 28 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TK, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Anh Nguyễn Văn Tr và chị Phạm Thị Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã D, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mỹ Như